

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 64/2021/HS-ST
Ngày: 17-6-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Nam.

Thẩm phán: Bà Bùi Thị Thu Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Đoàn Văn Chì.

Bà Nguyễn Thị Kim Oanh.

Bà Nguyễn Thị Khuyên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đình Hải Nam, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Khánh Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 67/2021/TLST-HS ngày 29 tháng 4 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử của Tòa án nhân dân tỉnh Điện Biên số: 59/2021/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 5 năm 2021 đối với bị cáo:

Lường Văn B; sinh năm: 1981, tại tỉnh Điện Biên.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: 02/12; dân tộc: Lào; Giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lường Văn V, sinh năm: 1947 và bà: Lò Thị P, sinh năm: 1951; có vợ: Lò Thị P, sinh năm: 1983 và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2001, con nhỏ nhất sinh năm 2007; tiền án: Không, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 01/10/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; ngày 02/6/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, bị cáo đã chấp hành xong hình phạt của cả 02 (hai) bản án; bị

cáo bị bắt tạm giữ ngày 23/01/2021, tạm giam từ ngày 26/01/2021. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn B:* Ông Lê Đình T - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hồi 12 giờ 10 phút ngày 23/01/2021, tại khu vực bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, tổ công tác liên ngành do công an huyện Điện Biên Đông chủ trì phối hợp với phòng cảnh sát điều tra Công an tỉnh Điện Biên đang làm nhiệm vụ đã phát hiện ba đối tượng có biểu hiện nghi vấn, tổ công tác tiến hành yêu cầu kiểm tra hai đối tượng bỏ trốn, tổ công tác đã bắt được đối tượng Lương Văn B thu giữ 20 túi Methamphetamine có tổng khối lượng 406,62 gam. Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Lương Văn B khai nhận bị cáo đã thực hiện hành vi bán ma túy theo thỏa thuận giữa Lương Văn C và bị cáo để nhận tiền công, bị cáo chưa kịp nhận tiền bán ma túy thì đã bị tổ công tác bắt giữ đưa về Cơ quan điều tra để điều tra theo quy định.

Tại bản Kết luận giám định số: 194/GĐ-PC09, ngày 01/02/2021 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Điện Biên kết luận:

“- 20 (hai mươi) mẫu viên nén màu hồng trích ra từ vật chứng thu giữ của Lương Văn B gửi giám định là chất ma túy: Loại Methamphetamine.

- Khối lượng vật chứng thu giữ của Lương Văn B là: 406,62 gam.

- Methamphetamine nằm trong danh mục các chất ma túy, STT: 323, Mục IIC, Danh mục II, Nghị định 73/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018.”

Cáo trạng số: 28/CT-VKS-P1 ngày 28/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố bị cáo Lương Văn B về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên nội dung trong quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) sơ thẩm: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lương Văn B tù Chung thân, không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền và miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình. Lời nói sau cùng, bị cáo xin HĐXX: Xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người bào chữa cho bị cáo đề nghị HĐXX: Xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên tòa, bị cáo Lường Văn B khai rằng: Sáng ngày 23/01/2021, Lường Văn B đi cắt cỏ thuê cho Lường Văn C (sinh năm: 1989, trú tại: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên). Khoảng hơn 11 giờ cùng ngày, B về đến nhà C. C đặt vấn đề thuê B mang 20 túi Methamphetamine của C đi bán cho 02 người đàn ông dân tộc Mông tại khu vực bản X, xã P, xong việc C sẽ trả công cho B từ 04 đến 05 triệu đồng, B đồng ý. C bảo B ra khu vực bờ suối phía sau nhà C, rồi giao 20 túi Methamphetamine cho B. B giấu ma túy trong cặp quần đang mặc rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27F8-4562 mượn của Nguyễn Duy D, cùng Lường Văn C điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 27B2-029.xx đi từ bản N đến bản X để bán ma túy. Đến nơi, C và B dừng xe đợi khoảng 15 phút thì có 02 người đàn ông dân tộc Mông không rõ lai lịch đi đến, dừng xe cách chỗ C và B đứng khoảng 20 mét. C bảo B mang 20 túi Methamphetamine đến bán cho 02 người đó và lấy tiền mang về, giá mua bán đã được C thỏa thuận từ trước, còn C sẽ đứng tại chỗ chờ. B đi bộ đến chỗ 02 người đàn ông đó để giao ma túy, đang giao dịch thì bị cơ quan chức năng phát hiện, bắt quả tang vào hồi 12 giờ 10 phút cùng ngày, thu giữ 20 túi Methamphetamine có tổng khối lượng 406,62 gam, còn 02 người đàn ông dân tộc Mông và Lường Văn C chạy thoát.

Hội đồng xét xử thấy rằng lời khai của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm đã phù hợp với biên bản bắt người phạm tội quả tang (BL 01-02); biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ (BL 26); biên bản mở niêm phong và xác định khối lượng lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại vật chứng (BL 27-28); biên bản ghi lời khai của người chứng kiến bà Lê Thị Hồng T (BL 98-99) và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác do Cơ quan điều tra thu thập hợp pháp trong quá trình điều tra vụ án. Như vậy, có đủ căn cứ để xác định bị cáo Lường Văn B đã thực hiện hành vi bán 406,62 gam Methamphetamine. HĐXX thấy rằng hành vi nêu trên của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đủ yếu tố cấu thành tội Mua bán trái phép chất ma túy quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự. Do đó, bị cáo phải chịu hình phạt do pháp luật quy định.

[2] Về tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo:

Mặc dù cơ quan pháp luật đã truy quét và xử lý rất nghiêm minh đối với các loại tội phạm ma túy, nhưng tình hình tội phạm về ma túy vẫn có chiều hướng gia tăng và diễn biến tội phạm ngày càng phức tạp. Tại phiên tòa, bị cáo Lương Văn B khai rằng bị cáo biết rõ Nhà nước cấm tất cả các hành vi mua bán, tàng trữ, vận chuyển trái phép các chất ma túy, bị cáo biết tác hại của ma túy đối tới đời sống sức khỏe của con người nhưng chỉ vì lợi nhuận mà bị cáo đã có hành vi giao dịch bán trái phép chất ma túy, hành vi phạm tội của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến trật tự trị an, an toàn xã hội trên địa bàn huyện Đ, tỉnh Điện Biên, bị cáo đã có hành vi bán 20 túi Methamphetamine tương đương 406,62 gam Methamphetamine. Hành vi đó của bị cáo bị coi là phạm tội trong trường hợp đặc biệt nghiêm trọng, phạm vào tình tiết định khung quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 BLHS. Bởi vậy, bị cáo đã bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên truy tố và kết luận đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” quy định tại điểm b khoản 4 Điều 251 Bộ luật Hình sự là chính xác, có căn cứ, đúng pháp luật, không bị oan, sai.

[3] Xét về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, HĐXX thấy rằng:

Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, HĐXX thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, bị cáo Lương Văn B đã thành khẩn khai báo hành vi phạm tội của bản thân, bị cáo là người dân tộc thiểu số sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn. Bởi vậy, HĐXX xét thấy cần xem xét áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, tuy nhiên, xét về nhân thân của bị cáo HĐXX thấy rằng: Ngày 01/10/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 BLHS năm 1999; sau khi ra trại, ngày 02/6/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, HĐXX thấy rằng bị cáo sau khi đi cải tạo trở về địa phương, bị cáo không lấy đó là bài học cho bản thân, bị cáo không lao động sản xuất ra của cải vật chất hợp pháp mà lại tiếp tục nghiện chất ma túy, rồi phạm tội lần này. Bởi vậy, HĐXX xét thấy áp dụng một mức hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội.

Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt bổ sung:

Căn cứ vào biên bản xác minh tài sản của Cơ quan điều tra và qua việc xét hỏi tại phiên tòa thấy rằng gia đình bị cáo không có tài sản có giá trị (BL 64), vì

vậy, nếu HĐXX áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền, bị cáo sẽ không có khả năng thi hành hình phạt này, nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với bị cáo.

[5] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Điện Biên Đông, Cơ quan điều tra Công an tỉnh Điện Biên, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện theo đúng quy định về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên giữ nguyên nội dung trong quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm: Áp dụng điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 BLHS, xử phạt bị cáo tù Chung thân, không áp dụng hình phạt tiền, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo, HĐXX thấy rằng đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Người bào chữa cho bị cáo không có ý kiến tranh luận gì về tội danh và điều luật mà Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Điện Biên đã truy tố và bản luận tội của Kiểm sát viên. Đề nghị HĐXX xem xét điều kiện hoàn cảnh gia đình bị cáo để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo ở mức khởi điểm của khung hình phạt. HĐXX thấy rằng bị cáo mặc dù không có tiền án, tiền sự nhưng bị cáo có nhân thân không tốt: Ngày 01/10/2008, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Vận chuyển, tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999; sau khi ra trại, ngày 02/6/2015, bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện Điện Biên xử phạt 24 (hai mươi bốn) tháng tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật Hình sự năm 1999, sửa đổi, bổ sung năm 2009, bởi vậy, HĐXX thấy cần áp dụng một mức hình phạt tù không thời hạn đối với bị cáo là cần thiết, để cải tạo giáo dục bị cáo trở thành người lương thiện có ích cho xã hội. Do đó, lời đề nghị của người bào chữa tại phiên tòa là không có căn cứ để chấp nhận.

[6] Các vấn đề khác của vụ án:

Bị cáo khai đối tượng tên là Lương Văn C, nhà ở bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên, là người thuê bị cáo bán ma túy và hứa trả công cho bị cáo, quá trình xác minh, Cơ quan cảnh sát điều tra chưa triệu tập được đối tượng này (thể hiện tại các BL 86, 91-95), chưa thể tiến hành lấy lời khai của Lương Văn C nên

không đủ cơ sở để làm rõ hành vi của Lường Văn C trong vụ án, do đó, HĐXX không xem xét.

Hai đối tượng người dân tộc Mông bị cáo không biết tên, địa chỉ cụ thể, không đủ cơ sở để làm rõ, do đó, HĐXX không xem xét.

[7] Về vật chứng:

- Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 BLHS và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Số ma túy 406,62 gam Methamphetamine, đã trích mẫu gửi giám định là 9 gam, còn lại 397,62 gam Methamphetamine là vật chứng của vụ án bị Nhà nước cấm lưu hành, nên cần tiêu hủy.

- Đối với chiếc xe máy mang biển kiểm soát 27F8-45xx màu sơn đỏ, nhãn hiệu DEMAND số máy: 1P52FMH-A0151xx, số khung: HJ6C0021xx, xe cũ đã qua sử dụng thu giữ của Lường Văn B. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ban hành Quyết định số: 05/QĐ-CSMT ngày 09/4/2021 bàn giao lại cho ông Nguyễn Duy D, sinh năm 1977, cư trú tại bản X, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên. Qua các tài liệu trong hồ sơ thể hiện đây là xe của ông Nguyễn Duy D, ông D không biết việc bị cáo sử dụng xe máy vào việc vi phạm pháp luật (thể hiện tại các BL 101-105), Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe cho ông D là đúng quy định pháp luật.

- Đối với chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, màu trắng đỏ đen, biển kiểm soát 27B2-029.xx, xe đã qua sử dụng, thu giữ tại hiện trường bắt quả tang Lường Văn B. Cơ quan điều tra chưa triệu tập được Lường Văn C (thể hiện tại các BL 86, 91-95), chưa tiến hành lấy lời khai của Lường Văn C nên không đủ cơ sở để làm rõ nên đã giữ chiếc xe lại để tiếp tục điều tra. Do đó, HĐXX không xem xét ở vụ án này.

[8] Về án phí:

Bị cáo Lường Văn B là người dân tộc thiểu số, sinh sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, theo quy định tại Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2025; căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử xét thấy cần miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điểm b khoản 4 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 39 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố:

Bị cáo Lương Văn B phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy. Xử phạt bị cáo Lương Văn B tù Chung thân. Thời hạn tù tính từ ngày 23/01/2021.

2. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu tiêu hủy: 406,62 gam Methamphetamine, đã trích mẫu gửi giám định là 9 gam, còn lại 397,62 gam Methamphetamine được gói trong 01 (một) gói niêm phong bằng phong bì niêm phong vật chứng của Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Điện Biên các mép được dán kín. Mặt trước phong bì niêm phong dán mảnh giấy in dòng chữ đánh máy: Vật chứng vụ Lương Văn B, sinh năm: 1981, nơi cư trú: Bản N, xã P, huyện Đ, tỉnh Điện Biên.

(Theo biên bản giao, nhận vật chứng giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an tỉnh Điện Biên và Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên ngày 29 tháng 4 năm 2021).

3. Về án phí: Áp dụng điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Lương Văn B.

4. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Bị cáo Lương Văn B có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Vụ I Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSND cấp cao tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- CQCSĐT Công an tỉnh Điện Biên (PC04);
- Sở Tư pháp;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Điện Biên;
- Trại tạm giam;
- Bị cáo;
- Người bào chữa;
- Lưu: HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phạm Văn Nam